

FDI vẫn tích cực trong bối cảnh bầu cử Tổng thống Mỹ có nhiều bất định

Vũ Việt Linh

Trưởng Phòng, Ngành Kinh Tế Vĩ Mô
linh.vuviet@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4870

Phạm Vũ Thăng Long

Giám đốc, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Trong tháng 7/2024, FDI thực hiện tăng 9,5% (so với tăng 9,4% trong tháng 6/2024), tương đương mức tăng lũy kế kể từ đầu năm đạt 8,4% (so với tăng 0,1% trong 7 tháng đầu năm 2023).
- Trong khi đó, FDI đăng ký tăng nhẹ 0,3% trong tháng 7/2024, điều chỉnh sau khi tăng mạnh 59,7% trong tháng 6/2024. Với kết quả này, FDI đăng ký kể từ đầu năm tăng 10,9% (so với tăng 4,5% trong 7 tháng đầu năm 2023).
- HSC nâng dự báo tăng trưởng FDI thực hiện cho năm 2024 lên 9% (từ 6% trong dự báo trước đó) đồng thời giữ nguyên dự báo tăng trưởng FDI đăng ký đạt 9%.
- Kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ có thể ảnh hưởng lớn đến dự báo của chúng tôi. Chiến thắng của bà Kamala Harris có thể sẽ thuận lợi hơn cho triển vọng FDI của Việt Nam.

FDI giữ nguyên đà tăng trong 7 tháng đầu năm 2024

Trong tháng 7/2024, FDI thực hiện tăng 9,5% so với cùng kỳ (so với tăng 9,4% so với cùng kỳ trong tháng 6/2024), tháng tăng thứ 18 liên tiếp. Trong khi đó, FDI đăng ký tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ trong tháng 7/2024, điều chỉnh sau khi tăng mạnh 59,7% so với cùng kỳ trong tháng 6/2024. Với kết quả này, FDI thực hiện và đăng ký kể từ đầu năm tăng lần lượt 8,4% và 10,9% so với cùng kỳ (so với tăng lần lượt 0,1% và 4,5% so với cùng kỳ trong 7 tháng đầu năm 2023).

Những dự án lớn gần đây tập trung ở tỉnh Bắc Ninh bao gồm (1) 551 triệu USD đăng ký mới của Foxconn trong tháng 7/2024 để xây dựng nhà máy sản phẩm thông minh, (2) Amkor đăng ký bổ sung 1,1 tỷ đô USD trong tháng 6 để mở rộng nhà máy chất bán dẫn và (3) Shanghai Guangwei đăng ký mới 700 triệu USD vào tháng 5/2024 để xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị xe điện. Tổng cộng, ba dự án này đóng góp 20% vào tổng FDI đăng ký kể từ đầu năm.

HSC nâng dự báo FDI thực hiện cho năm 2024

Do kết quả gần đây vượt kỳ vọng, HSC hiện dự báo FDI thực hiện tăng trưởng 9% trong năm 2024 (so với tăng trưởng 6% trước đó). Trong khi đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng FDI đăng ký đạt 9% cho năm 2024. Cho năm 2025, HSC tiếp tục dự báo FDI thực hiện và đăng ký tăng trưởng lần lượt 12% và 9%.

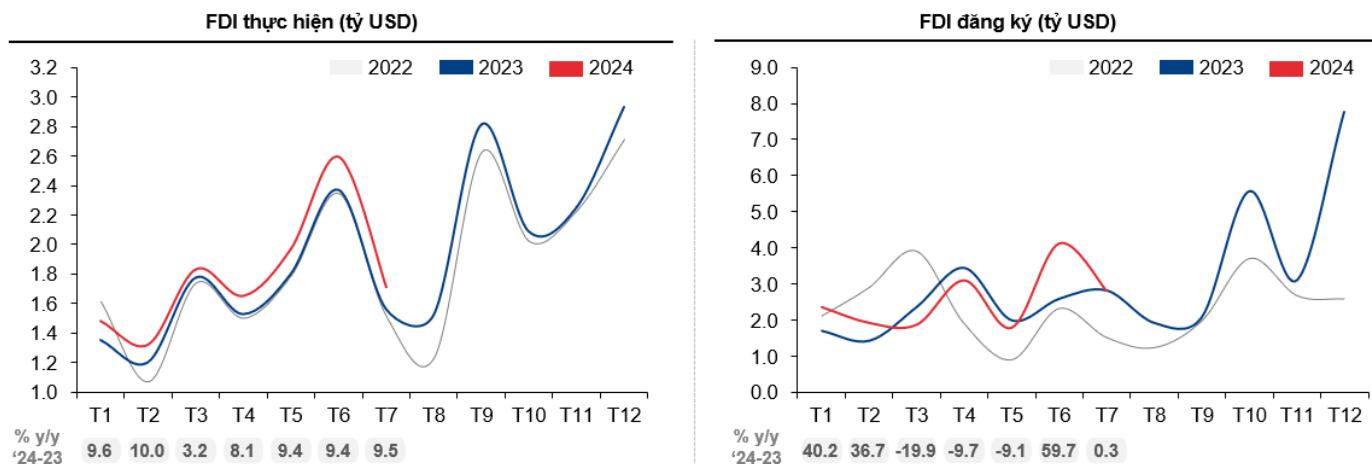
Tình hình bầu cử Mỹ ngày càng thiếu chắc chắn làm gia tăng rủi ro lên triển vọng FDI

Theo một cuộc khảo sát trong tháng 6/2024, gần một phần ba các Giám đốc tài chính chia sẻ rằng doanh nghiệp của họ đang trì hoãn, giảm quy mô hoặc hủy bỏ kế hoạch đầu tư do kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ có nhiều bất định. Trong đó, Teslas gần đây đã tạm dừng kế hoạch mới tại Mexico do Trump dọa sẽ áp thuế suất 100% đối với các phương tiện sản xuất ở Mexico.

Theo đó, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ có thể ảnh hưởng lớn đến dự báo của chúng tôi. Một chiến thắng của bà Kamala Harris có thể sẽ thuận lợi hơn cho FDI của Việt Nam, trong khi chiến thắng của ông Trump có thể sẽ cho kết quả ngược lại.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 13/8.

Biểu đồ 1: Tóm tắt hoạt động đầu tư FDI trong tháng 7/2024



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Cập nhật triển vọng FDI

Trong tháng 7/2024, FDI thực hiện tăng 9,5% so với cùng kỳ (so với tăng 9,4% so với cùng kỳ trong tháng 6/2024), tháng tăng thứ 18 liên tiếp. Trong khi đó, FDI đăng ký tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ trong tháng 7/2024, điều chỉnh sau khi tăng mạnh 59,7% so với cùng kỳ trong tháng 6/2024. Do kết quả gần đây vượt kỳ vọng, HSC nâng dự báo tăng trưởng FDI thực hiện năm 2024 lên 9% (so với 6% trước đó). Chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng FDI đăng ký đạt 9% năm 2024.

FDI thực hiện tăng trưởng tốt trong 7 tháng đầu năm 2024 nhờ giải ngân vào ngành BĐS tăng mạnh

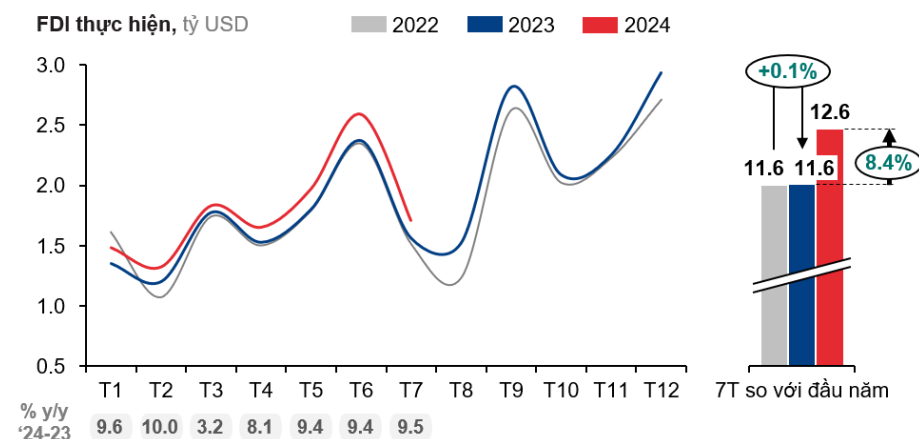
Trong tháng 7/2024, FDI thực hiện tăng 9,5% so với cùng kỳ (so với tăng 9,4% svck trong T6/2024), tháng tăng thứ 18 liên tiếp, tương đương mức tăng lũy kế 7 tháng đầu năm 2024 đạt 8,4% so với cùng kỳ (so với tăng 0,1% svck trong 7 tháng đầu 2023) (Biểu đồ 2). Kết quả này cao hơn dự báo FDI thực hiện tăng 6% trong 2024 của chúng tôi (Mời xem: [Triển vọng FDI: Từ kiên cường đến sức mạnh](#), T1/2024, HSC).

Vốn giải ngân vào ngành BĐS tăng 101% so với cùng kỳ trong 7 tháng đầu năm 2024, đóng góp nhiều nhất vào tăng trưởng chung (5 điểm phần trăm). Tiếp theo là ngành sản xuất (tăng 5% so với cùng kỳ và đóng góp 4,4 điểm phần trăm), bù đắp sự sụt giảm ở ngành tiện ích (giảm 39% so với cùng kỳ và đóng góp âm 2,6 điểm phần trăm).

Sử dụng số liệu Q1/2024 để so sánh với các quốc gia khác, tăng trưởng FDI thực hiện của Việt Nam vẫn thuộc nhóm đầu, tiếp tục xu hướng năm 2023 (Biểu đồ 4).

Biểu đồ 2: FDI thực hiện hàng tháng

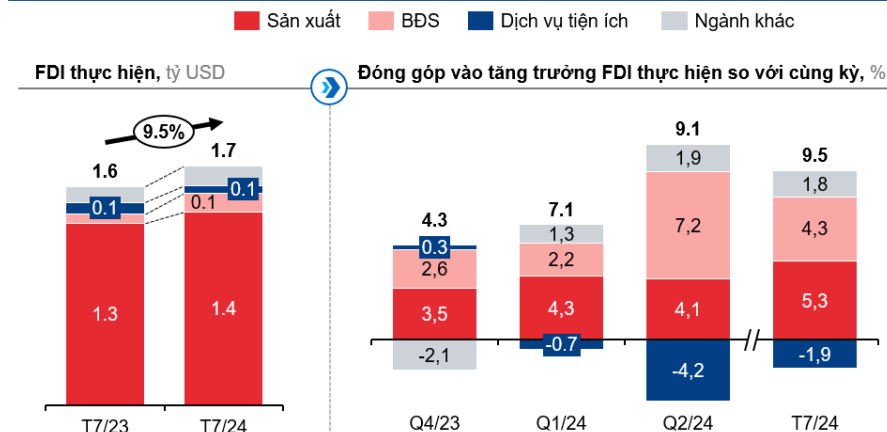
FDI thực hiện tăng tốc lên 9,5% so với cùng kỳ trong tháng 7/2024



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Biểu đồ 3: FDI thực hiện theo các ngành chủ chốt

Vốn giải ngân trong ngành BĐS tiếp tục tăng mạnh trong tháng 7



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Trong 7 tháng đầu năm 2024, FDI thực hiện tăng 8,4% so với cùng kỳ, sát bình quân giai đoạn 2014-2019 ở mức 10%.

Theo ngành trong 7T2024:

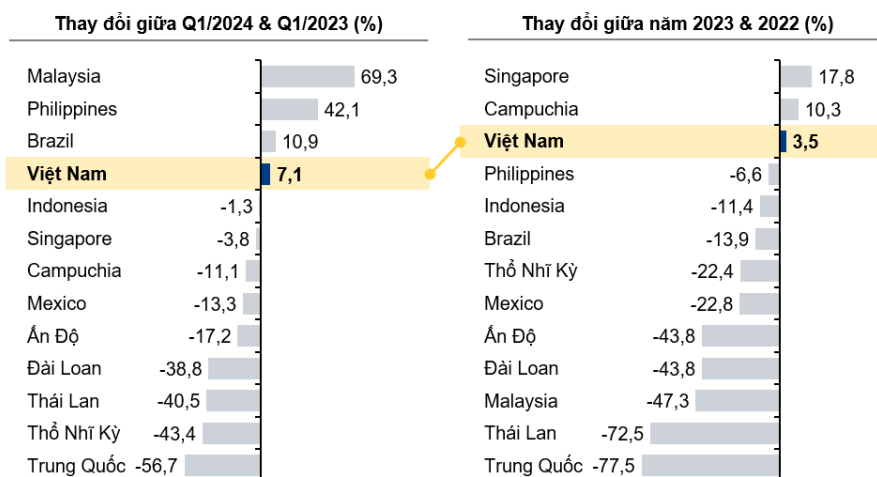
- Sản xuất (+5% svck)
- BĐS (+101% svck)
- Dịch vụ tiện ích (-39% svck)

So với:

Theo ngành trong 7T2023:

- Sản xuất (+7% svck)
- BĐS (-44% svck)
- Dịch vụ tiện ích (-15% svck)

Biểu đồ 4: Tăng trưởng FDI thực hiện: Việt Nam so với một số quốc gia
Việt Nam vẫn nằm trong nhóm các quốc gia có FDI thực hiện tăng trưởng cao nhất



Nguồn: IMF, CEIC, MPI, HSC

FDI đăng ký tiếp tục tăng trưởng tích cực, với động lực từ khu vực phía Bắc và NĐT Singapore

Trong tháng 7/2024, FDI đăng ký tăng nhẹ 0,3% so với cùng kỳ trong T7/2024, trở lại bình thường sau khi tăng mạnh 59,7% so với cùng kỳ trong T6/2024 (Biểu đồ 5). Từ đó, FDI đăng ký kể từ đầu năm tăng 10,9% so với cùng kỳ (so với tăng 4,5% svck trong 7 tháng đầu 2023 và dự báo tăng trưởng 9% cả năm 2024 của chúng tôi).

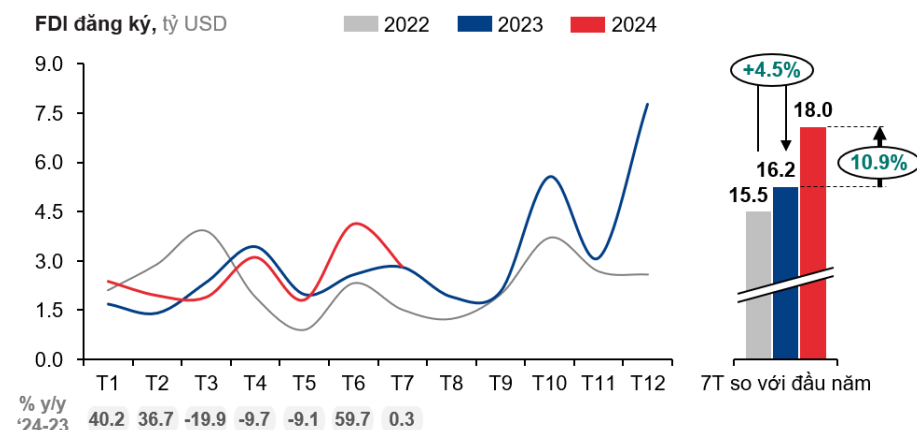
Theo khu vực, vốn đăng ký từ đầu năm ở khu vực miền Bắc tăng 17,9% so với cùng kỳ, đóng góp lớn nhất vào tăng trưởng chung (10,3 điểm phần trăm). Tiếp theo là khu vực miền Nam (tăng 12,5% svck và đóng góp 4,3 điểm phần trăm), bù đắp sự sụt giảm ở khu vực miền Trung (giảm 48,2% svck và đóng góp âm 3,8 điểm phần trăm) (Biểu đồ 8). Mời xem bản đồ Việt Nam theo khu vực ở Biểu đồ 16 phần Phụ lục).

Theo quốc gia, động lực tăng trưởng chính trong 7 tháng đầu năm 2024 đến từ Singapore (tăng 79% svck), Hong Kong (tăng 108% svck), Đài Loan (tăng 20% svck), bù đắp sự sụt giảm của Trung Quốc (giảm 29% svck), Hàn Quốc (giảm 32% svck) và Nhật Bản (giảm 18% svck) (Biểu đồ 9).

Những dự án lớn gần đây tập trung ở Bắc Ninh bao gồm (1) 551 triệu USD đăng ký mới của Foxconn trong tháng 7/2024 để xây dựng nhà máy sản phẩm thông minh, (2) Amkor đăng ký bổ sung 1,1 tỷ đô USD trong tháng 6 để mở rộng nhà máy chất bán dẫn và (3) Shanghai Guangwei đăng ký mới 700 triệu USD vào tháng 5/2024 để xây dựng nhà máy sản xuất thiết bị xe điện. Tổng cộng, ba dự án này đóng góp 20% vào tổng FDI đăng ký kể từ đầu năm (Mời xem Biểu đồ 13 ở phần Phụ lục).

Biểu đồ 5: FDI đăng ký hàng tháng

Trong tháng 7, FDI đăng ký trở lại mức bình thường sau khi tăng đáng kể trong tháng trước



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Biểu đồ 6: FDI đăng ký theo loại

Trong tháng 7, hoạt động M&A là động lực tăng trưởng chính của FDI đăng ký

FDI đăng ký mới FDI đầu tư bổ sung FDI thông qua M&A

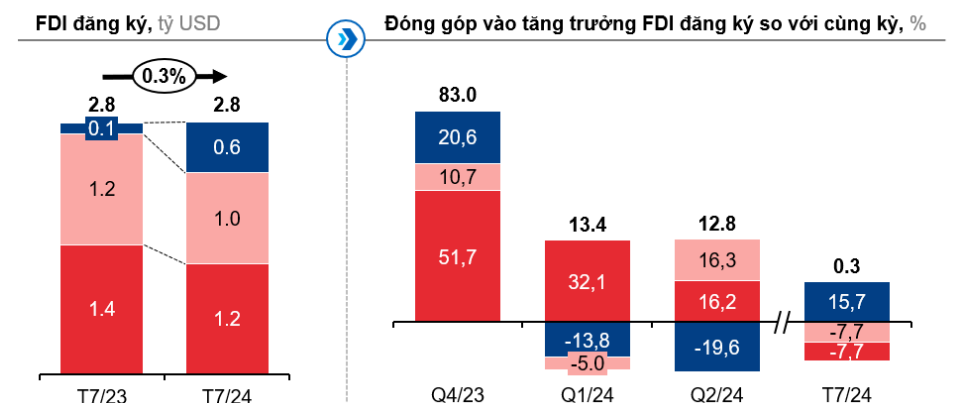
FDI theo loại trong 7T2024:

- Đăng ký mới (tăng 36% svck)
- Bổ sung (tăng 19% svck)
- M&A (giảm 45% svck)

So với:

FDI theo loại trong 7T2023:

- Đăng ký mới (tăng 39% svck)
- Bổ sung (giảm 43% svck)
- M&A (tăng 61% svck)



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Biểu đồ 7: FDI đăng ký theo ngành

Trong tháng 7, ngành BĐS là ngành có đóng góp chính vào tăng trưởng FDI đăng ký

Sản xuất BĐS Tài chính Ngành khác

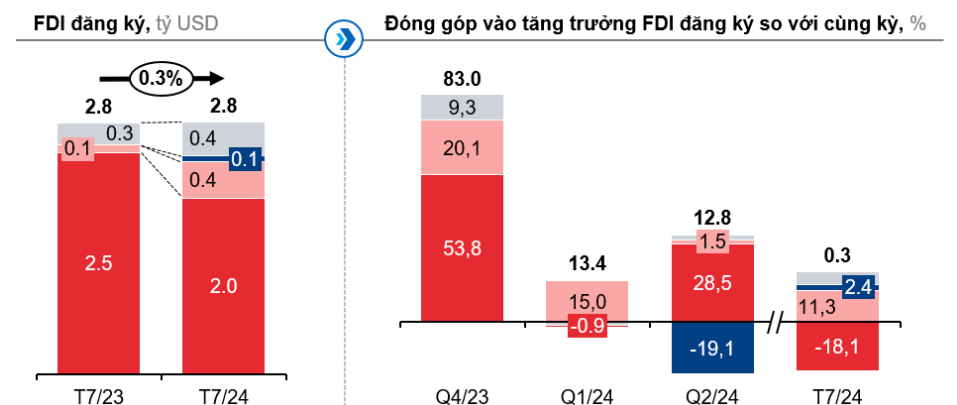
Theo ngành trong 7T2024:

- Sản xuất (tăng 16% svck)
- BĐS (tăng 78% svck)
- Tài chính (giảm 93% svck)

So với:

Theo ngành trong 7T2023:

- Sản xuất (tăng 9% svck)
- BĐS (giảm 50% svck)
- Tài chính (tăng 63 lần svck)



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Biểu đồ 8: FDI đăng ký theo khu vực

Khu vực phía Bắc và phía Nam chiếm tổng cộng khoảng 95% tổng FDI đăng ký

Miền Bắc Miền Nam Miền Trung

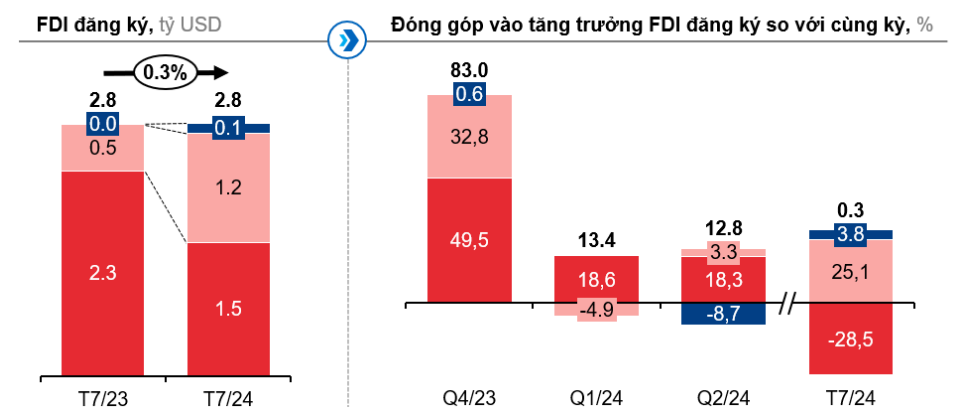
Theo vùng trong 7T2024:

- Miền Bắc (tăng 18% svck)
- Miền Nam (tăng 12% svck)
- Miền Trung (giảm 48% svck)

So với:

Theo vùng trong 7T2023:

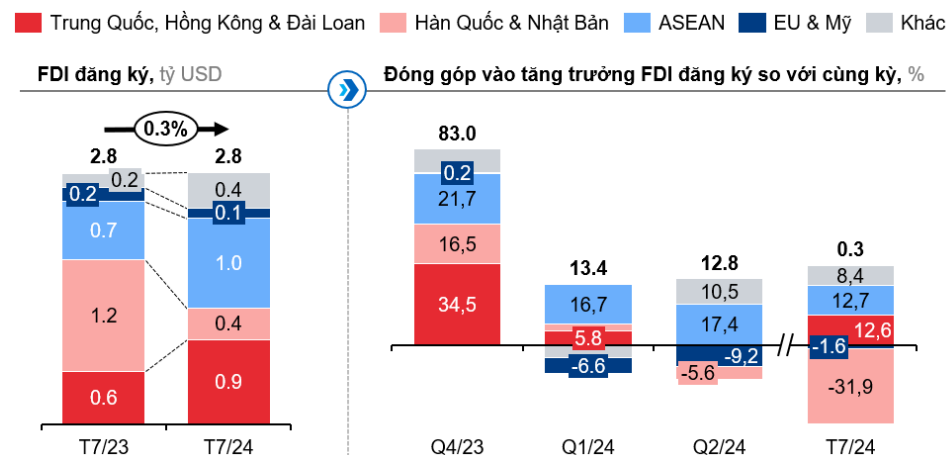
- Miền Bắc (tăng 25% svck)
- Miền Nam (giảm 22% svck)
- Miền Trung (tăng 49% svck)



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Biểu đồ 9: FDI đăng ký theo nhóm các nền kinh tế

Trong tháng 7, NĐT ASEAN tiếp tục là động lực tăng trưởng của FDI đăng ký



Nguồn: GSO, MPI, HSC

*Ghi chú: Trung Quốc = TQ, Hồng Kông = HK, Đài Loan = DL, Hàn Quốc = HQ, Nhật Bản = NB

Theo đối tác* trong 7T2024:

- TQ, HK, DL (tăng 15% svck)
- HQ & NB (giảm 25% svck)
- ASEAN (tăng 65% svck)
- EU & Mỹ (giảm 61% svck)

So với:

Theo đối tác trong 7T2023:

- TQ, HK, DL (tăng 45% svck)
- HQ & NB (tăng 5% svck)
- ASEAN (giảm 14% svck)
- EU & Mỹ (giảm 27% svck)

Nâng dự báo FDI thực hiện năm 2024, duy trì dự báo FDI đăng ký

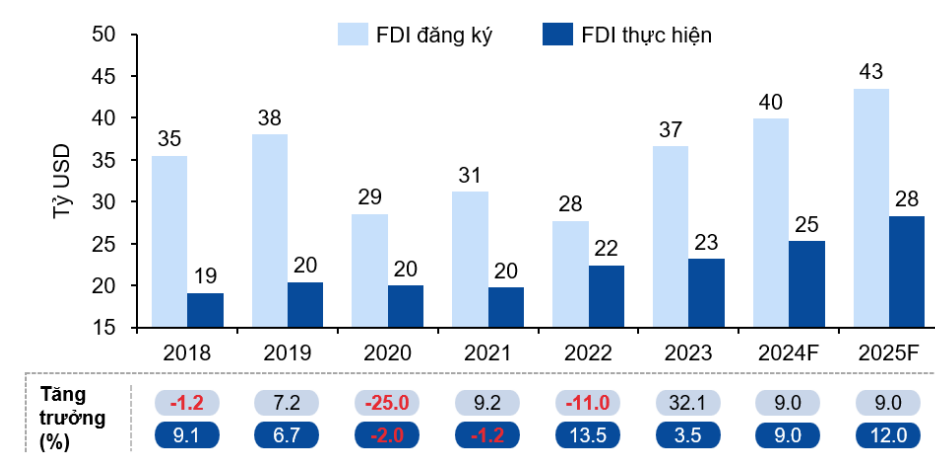
Như đã nhấn mạnh trong báo cáo trước đó, HSC vẫn lạc quan đối với triển vọng thu hút vốn FDI của Việt Nam nhờ vị thế đặc biệt để tận dụng lợi thế của “ngoại giao cây tre” nhằm tăng cường quan hệ với tất cả các đối tác FDI hàng đầu. Trong khi đó, việc áp dụng chính sách thuế tối thiểu toàn cầu cũng có thể nâng cao sức hút của Việt Nam đối với dòng vốn FDI do quy định này sẽ xóa bỏ chênh lệch thuế giữa Việt Nam & các trung tâm tài chính nước ngoài (Mời xem: [Triển vọng thương mại & FDI: Từ kiên cường đến sức mạnh](#), ngày 30/1/2024, HSC).

Do kết quả gần đây vượt kỳ vọng, HSC hiện dự báo FDI thực hiện tăng trưởng 9% trong năm 2024 (so với tăng trưởng 6% trước đó). Trong khi đó, chúng tôi giữ nguyên dự báo tăng trưởng FDI đăng ký đạt 9% cho năm 2024. Trong khi đó, HSC duy trì dự báo FDI đăng ký tăng trưởng 9% trong năm 2024 (Biểu đồ 10).

Cho năm 2025, HSC tiếp tục dự báo FDI thực hiện và đăng ký tăng trưởng lần lượt 12% và 9%.

Biểu đồ 10: Dự báo FDI hàng năm

HSC dự báo FDI thực hiện và FDI đăng ký đều sẽ tăng trưởng 9% trong năm 2024



Nguồn: GSO, MPI, HSC

Kết quả bầu cử Mỹ có thể ảnh hưởng đến triển vọng FDI

Triển vọng FDI toàn cầu năm 2024 còn nhiều khó khăn do tăng trưởng kinh tế còn yếu và căng thẳng địa chính trị tiếp diễn (Mời xem: [World Investment Report 2024, Jun-24, United Nations](#)). Theo khảo sát T6/2024 của Fed, gần một phần ba Giám đốc tài chính chia sẻ rằng doanh nghiệp của họ đang trì hoãn, giảm quy mô hoặc hủy bỏ kế hoạch đầu tư do bầu cử Tổng thống Mỹ còn nhiều bất định (Biểu đồ 11).

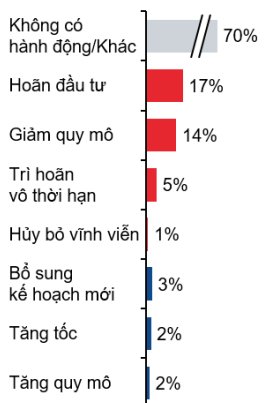
Teslas gần đây đã tạm dừng kế hoạch xây nhà máy mới tại Mexico do Trump đe dọa sẽ áp thuế suất 100% đối với các phương tiện sản xuất ở Mexico (Mời xem: [Tesla's Mexico factory on hold, tháng 7/2024, Market Watch](#)).

Do đó, kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ có thể ảnh hưởng lớn đến dự báo của chúng tôi. Một chiến thắng của bà Kamala Harris có thể sẽ thuận lợi hơn cho FDI của Việt Nam, trong khi chiến thắng của ông Trump có thể sẽ cho tác động ngược lại.

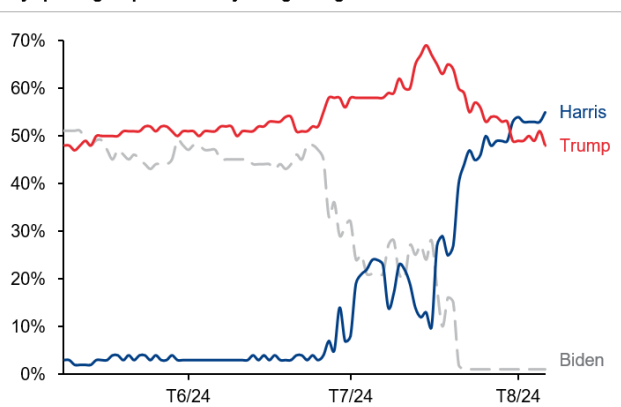
Biểu đồ 11: Kế hoạch đầu tư của các giám đốc tài chính trong bối cảnh cuộc bầu cử Mỹ thiếu chắc chắn

Nhiều kế hoạch đầu tư đã bị hủy bỏ trong bối cảnh bầu cử Mỹ có nhiều bất định

Kế hoạch đầu tư trong bối cảnh bầu cử Mỹ có nhiều bất định?*



Tỷ lệ thắng cuộc bầu cử Mỹ trong tháng 11



Nguồn: FED, Predictit, HSC

Cuộc đua vào Nhà Trắng đã trở nên căng thẳng hơn khi bà Kamala Harris đã có một khởi đầu rất mạnh mẽ. Tỷ lệ chấp thuận của bà đã nhanh chóng tăng lên, nhận được sự ủng hộ từ cả phụ nữ và nhóm thiểu số, vốn là hai trong số những nhóm cử tri không phải thế mạnh của ông Donald Trump.

Lập trường chính sách của bà Harris khá tương đồng với ông Biden. Tuy nhiên, bà có thể thận trọng hơn một chút về chính sách thương mại, thể hiện qua việc bà không ủng hộ CPTPP do lo ngại về tình trạng mất việc làm ở Mỹ.

Bà Harris đã chứng minh cam kết tăng cường quan hệ Mỹ - Đông Nam Á bằng cách tham dự Hội nghị thượng đỉnh ASEAN 2023 tại Jakarta, củng cố ảnh hưởng của Mỹ trong khu vực và khẳng định vai trò trung tâm của ASEAN.

Năm 2021, bà Harris là Phó Tổng thống đương nhiệm đầu tiên đến thăm Việt Nam.

Biểu đồ 12: Lập trường chính sách của các ứng cử viên tổng thống Mỹ

Bà Kamala Harris và ông Donald Trump đều ủng hộ đưa nhiều việc làm trở lại Mỹ

	Joe Biden	Kamala Harris	Donald Trump
Thương mại	Tiếp tục tạo áp lực lên một số hàng hóa cụ thể nhập khẩu từ Trung Quốc và bổ sung thêm các lệnh hạn chế đối với sản phẩm công nghệ nhạy cảm xuất khẩu sang Trung Quốc	Nhiều khả năng sẽ dành nhiều sự bảo vệ hơn cho việc làm tại nước Mỹ trong các hiệp định thương mại, như bà đã từng phản đối Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương	Đe dọa áp thuế 10% đối với tất cả hàng hóa nhập khẩu của Mỹ trong đó mức thuế là 60% đối với hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc
Năng lượng	Tiếp tục các chính sách giảm sử dụng năng lượng sản xuất từ carbon và hỗ trợ chuyển đổi xanh bằng các khoản trợ cấp	Nhìn chung giống với quan điểm của ông Joe Biden	Có thể thúc đẩy sản xuất dầu, khí và than trong khi cắt giảm trợ cấp năng lượng sạch
Công nghiệp	Tiếp tục thực hiện các sáng kiến đưa sản xuất về nước từ các bang cách cung cấp vốn và ưu đãi thuế để thúc đẩy sản xuất trong nước	Nhìn chung giống với quan điểm của ông Joe Biden	Nhìn chung giống quan điểm của ông Joe Biden khi ông Trump cũng lên tiếng về việc đưa việc làm trở lại Mỹ
Quan hệ quốc tế	Căng thẳng với Trung Quốc tiếp tục gia tăng trong khi hỗ trợ mạnh mẽ cho Ukraine & Đài Loan	Nhìn chung giống quan điểm của ông Biden; mối quan hệ với Ấn Độ nhiều khả năng sẽ chặt chẽ hơn	Nhiều khả năng sẽ gia tăng căng thẳng với Trung Quốc và giảm hỗ trợ cho Ukraine và Đài Loan
Quan điểm về Việt Nam	Coi Việt Nam là một phần quan trọng trong kế hoạch tổng thể nhằm tăng cường quan hệ với khu vực Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương	Nhìn chung giống quan điểm của ông Biden. Trong chuyến thăm năm 2021, bà Harris từng đề xuất nâng cấp quan hệ Việt Nam - Mỹ lên tầm đối tác chiến lược	Thừa nhận tầm quan trọng của Việt Nam trong chiến lược của Mỹ đối với Trung Quốc. Tuy nhiên, ông Trump có thể gây áp lực lên Việt Nam để giảm thịnh dư thương mại với Mỹ.

Nguồn: Reuters, Bloomberg, Fitch, HSC

Phụ lục

Danh sách các dự án FDI đăng ký lớn

Biểu đồ 13: Danh sách các dự án FDI lớn trong năm 2024

Tính chung, các dự án FDI lớn này chiếm 36% tổng vốn FDI đăng ký từ đầu năm

Thời gian	Lĩnh vực kinh doanh	NDT	Quốc gia xuất xứ	Tỉnh	FDI đăng ký (triệu USD)
T7/24	Sản phẩm thông minh	Foxconn Technology	Singapore	Quảng Ninh	551
T7/24	Chất bán dẫn	Foxconn Technology	Singapore**	Bắc Ninh	380
T7/24	Chất bán dẫn	Amkor Technology	Singapore*	Bắc Ninh	1.070
T5/24	Thiết bị xe điện	Shanghai Guangwei	Trung Quốc	Bắc Ninh	700
T4/24	Đồ điện tử	BOE Technology	Trung Quốc	Vũng Tàu	277
T4/24	Đồ điện tử	Tripod Technology	Đài Loan	Vũng Tàu	250
T4/24	Nhà máy sợi sinh học	Hyosung TNC	Hàn Quốc	Vũng Tàu	730
T4/24	Nhà máy sản xuất ván tre	staBoo Holdings	Thụy Sĩ	Thanh Hóa	126
T3/24	Chất bán dẫn	Victory Giant Tech	Trung Quốc	Bắc Ninh	400
T2/24	Nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời	Gokin Solar	Hồng Kông	Quảng Ninh	275
T2/24	Nhà máy sản xuất pin năng lượng mặt trời	Trina Solar	Trung Quốc	Thái Nguyên	454
T1/24	Nhà máy sản xuất thủy tinh & quang học	Biel Crystal	Singapore	Hải Dương	260
T1/24	Nhà máy văn phòng phẩm	Deli Group	Trung Quốc	Hải Dương	270
T1/24	BDS	CapitaLand	Singapore	Hà Nội	660

Nguồn: GSO, MPI, HSC

*NDT có trụ sở chính tại Mỹ nhưng sử dụng công ty con có trụ sở tại Singapore để đăng ký FDI
 ** NDT có trụ sở chính tại Đài Loan nhưng sử dụng công ty con có trụ sở tại Singapore để đăng ký FDI

FDI đăng ký theo các tỉnh và đối tác hàng đầu

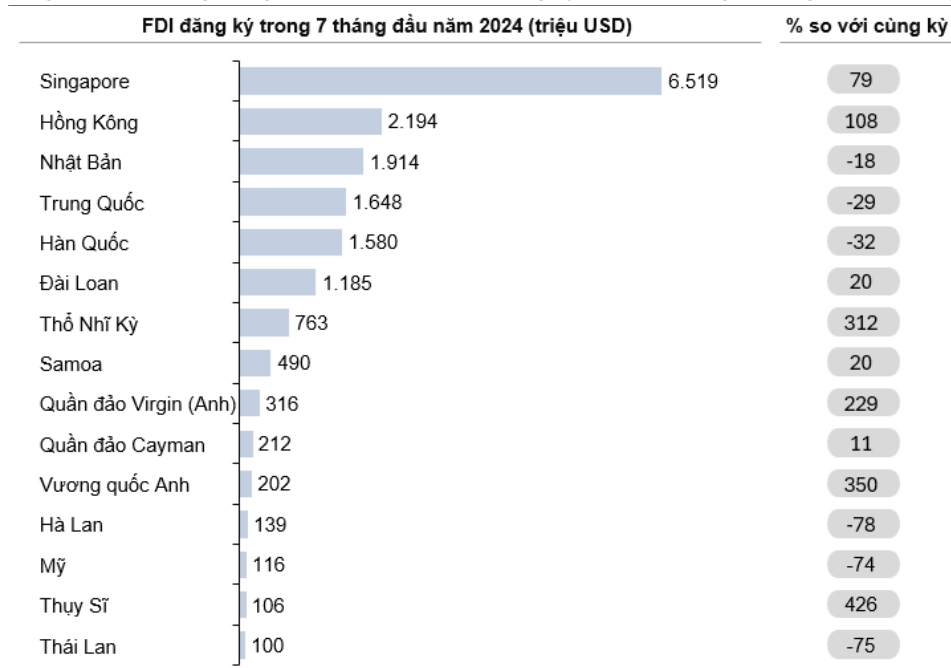
Biểu đồ 14: FDI đăng ký theo các tỉnh lớn trong 7 tháng đầu năm 2024

Bắc Ninh và Quảng Ninh thu hút vốn FDI đăng ký lớn nhất trong 7 tháng đầu năm 2024

FDI đăng ký trong 7 tháng đầu năm 2024 (triệu USD)		% so với cùng kỳ
Bắc Ninh	3.200	205
Quảng Ninh	1.563	124
TP.HCM	1.545	-6
Vũng Tàu	1.542	516
Hà Nội	1.379	-40
Hải Phòng	1.275	-36
Bình Dương	1.127	4
Đồng Nai	1.051	41
Bắc Giang	910	-37
Thái Nguyên	556	221
Hưng Yên	536	-3
Long An	486	-12
Thái Bình	430	128
Hà Nam	394	150
Tây Ninh	269	-51

Nguồn: GSO, MPI, HSC

Biểu đồ 15: FDI đăng ký theo các quốc gia đối tác lớn trong 7 tháng đầu năm 2024
Singapore và Hồng Kông là hai đối tác có FDI đăng ký lớn nhất trong 7 tháng đầu năm nay

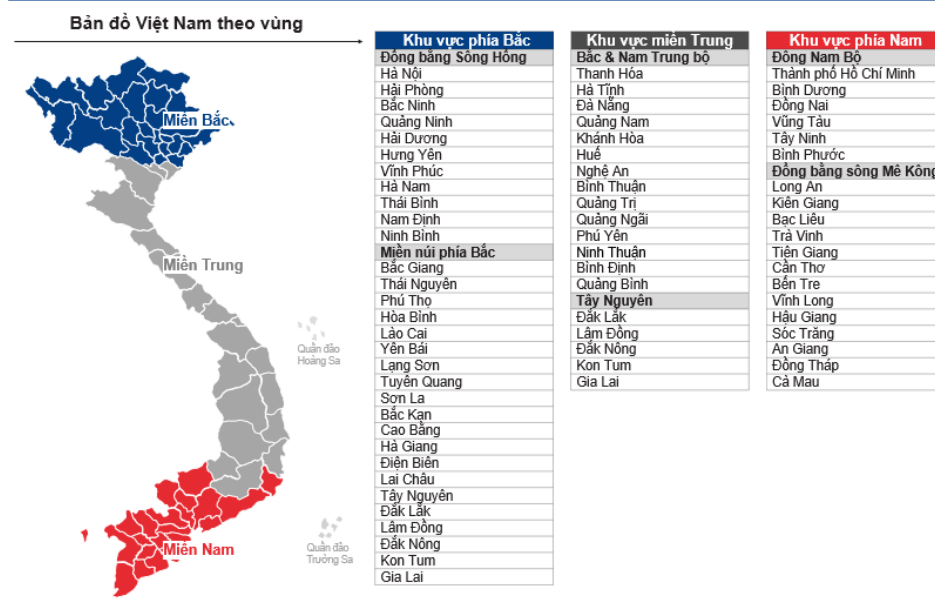


Nguồn: GSO, MPI, HSC

Các tỉnh của Việt Nam phân theo khu vực

Biểu đồ 16: Bản đồ các tỉnh của Việt Nam

Theo MPI, các tỉnh của Việt Nam được chia thành 3 khu vực chính và 6 tiểu vùng



Nguồn: MPI, HSC

Bảng 17: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2018	2019	2020	2021	2022	2023E	2024F	2025F	2026F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,210	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,700	25,500	25,500
Tỷ giá (VND: CNY)	3,562	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,521	3,542	3,542
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.47	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	6.20	6.50	6.50
GDP (tỷ USD)	304	332	346	370	408	434	439	488	535
GDP bình quân đầu người (USD)	3,202	3,398	3,558	3,757	4,101	4,324	4,336	4,775	5,190
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	1.89	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.50	4.56	5.13	4.68
Nợ công/GDP (%)	46.2	42.8	43.8	44.7	38.0	39.8	40.1	39.2	38.3
Nợ Chính phủ/GDP (%)	39.5	37.4	38.5	39.6	34.7	36.8	36.8	36.2	35.6
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.21	2.09	2.71	3.76	3.08	4.46	3.54	2.81	2.57
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	102.9	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	137.7	142.4	146.8
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.19	2.15	2.63	3.56	2.32	2.26	2.30	2.30	2.30
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.8	3.4	3.3
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	3.0	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	3.2	3.4	3.3
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.25	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.50	5.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	3.9	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.5	4.0	3.0
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	10.7	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	14.5	14.0	13.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	9,212	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	18,079	20,248	22,678
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	12.4	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	13.0	12.0	12.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	79	95	107	85	90	86	100	115
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	5.5	6.0	6.2
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	5.00
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	4.4	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.7	3.0	3.2
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	4.9	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	3.0	3.3	3.6
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	28.6	32.1	35.6
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	5.8	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	20.0	25.0	25.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	238	253	263	333	360	326	370	415	461
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	12.5	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	13.5	12.0	11.0
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	245	264	283	336	372	355	399	447	496
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	14.5	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	12.5	12.0	11.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	110	123	129	140	148	159	160	175	190
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.1	36.9	37.3	37.7	36.2	36.6	36.5	35.9	35.6
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	19.1	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.3	28.3	31.1
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	35.5	38.0	28.5	31.2	27.7	36.6	39.9	43.5	47.8
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	53.8	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	50.9	52.0	51.0
Giá trị sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	11.4	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.1	9.0	9.0
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	13.7	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.0	10.0	9.5
Giá trị sx ngành chế biến chế tạo hàng năm (%)	12.3	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	8.0	8.5	8.5
Doanh số bán lẻ TB năm (%)	11.0	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.6	9.0	9.0	9.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

$$\text{Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm } t_0 = [(1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát } y/y \text{ tại thời điểm } t_0)]^{1/12} - 1$$

 Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn